

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

“V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên.

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan.

Bà Doãn Thị Lệ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 355/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị H – sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ 14, phường P, thành phố D, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Bị đơn: - Anh T – sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2017, bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Vào tháng 9 năm 2004, chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố D, tỉnh Gia Lai, tại giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số 01. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây anh, chị không đồng quan điểm mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, anh, chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Đến thời điểm này anh, chị không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh, chị có 02 con chung là: Cháu V, sinh ngày 13/11/2006; cháu thứ hai tên: N, sinh ngày 08/3/2004, hiện cháu V và cháu N đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T trình bày tại bản tự khai:

Anh T xác nhận việc chị H trình bày về hôn nhân cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng và chị H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, anh T đồng ý ly hôn, anh thừa nhận quá trình chung sống với chị H, anh chị có hai con chung là cháu Cháu V, sinh ngày 13/11/2006 và cháu: N, sinh ngày 08/3/2004, hiện cháu V và cháu N đang ở với chị H, anh đồng ý để chị H nuôi con, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh cũng thống nhất.

Về tài sản riêng, chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh T, được Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa án nhân dân thành phố D tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T không đến, vì vậy việc chấp hành pháp luật của bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai cháu V và N đều khai, nếu ba mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D – tỉnh Gia lai giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh T có nơi cư trú tại tổ 1, phường T, thành phố D, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

- Về quan hệ hôn nhân: tháng 9 năm 2004, chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố D, tỉnh Gia Lai, tại giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số 01. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây anh, chị không đồng quan điểm mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, nên đến nay anh, chị đã ly thân và không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay cả chị H và anh T đều thống nhất đến tại thời điểm này anh, chị không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ, nhưng anh T không đến cũng như không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho cuộc sống hôn nhân gia đình của anh, chị. Vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị H và anh T trình bày trong quá trình chung sống giữa anh, chị có hai con chung là Cháu V, sinh ngày 13/11/2006; và cháu: N, sinh ngày 08/3/2004,

hiện cháu V và cháu N đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng được nuôi hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trên cơ sở thống nhất của chị H, anh T và nguyện vọng của hai cháu V và cháu N được ở với mẹ, nên giao con chung là cháu V, N cho chị H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Xét việc thỏa thuận giữa anh T, chị H và nguyện vọng của hai cháu V, N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giao con chung cho chị H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi anh T có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản riêng, chung, nợ chung: Chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị H và anh T.

- Về con chung: Giao con chung cháu V, sinh ngày 13/11/2006; cháu N, sinh ngày 08/3/2004, cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản riêng, chung. Nợ chung: Chị H và anh T thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai số 0003232 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Gia lai. Chị H đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THA-DS TP.D;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa